

## NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRONG KHÁI NIỆM “THIÊN” CỦA DASAN JEONG YAK YOUNG

KIM SANG HO(\*)

*Dasan Jeong Yak Young là một học giả nổi tiếng của Hàn Quốc cuối thời Joseon. Trước tình hình loạn lạc đương thời, Dasan đã tìm kiếm những cách thức tái lập thế giới nhân luân, ổn định xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Ông đã hướng sự phê phán của mình vào toàn bộ hệ thống học vấn đương thời, trong đó có cả tính lý học vốn đang là quan học, và tìm cách xây dựng hệ học vấn mới - vẫn dựa trên nền tảng Nho học nhưng đã có những cải biến căn bản, nhất là quan niệm mới mẻ của Dasan về “Thiên”. Dasan phê phán quan niệm “Thiên” của Chu Tử học, đồng thời bổ sung ý nghĩa “Thượng đế” vào “Thiên” và hình thành khái niệm “Thượng đế thiên”. Trong đó, Thượng đế là lực lượng siêu nhiên sinh thành và cai quản vạn vật, là bản thể tuyệt đối và đầu tiên, vượt ra ngoài tư duy “thiên nhân hợp nhất” truyền thống của phương Đông. Thượng đế và con người tương tác theo phương thức Thượng đế ra lệnh cho con người, con người tuân theo mệnh lệnh của Thượng đế. Nội dung và mục đích của sự tương tác này chính là thực hiện nhân luân. Con người, trong quá trình phục tùng mệnh lệnh của Thượng đế, có thể kiến lập thế giới nhân luân và đưa xã hội trở lại vòng trật tự.*

**T**rong bất cứ thời đại nào, khi những vấn đề hiện thực phát sinh, con người luôn nỗ lực phân tích nguyên nhân và tìm hướng giải quyết chúng. Ở phương Đông phong kiến, những “vấn đề hiện thực” điển hình chính là nỗi thống khổ của người dân do thiên tai, do sự bóc lột bạo tàn của tầng lớp thống trị, do sự xâm lược của các thế lực nước ngoài. Theo đó, dù trong bất cứ vương triều phong kiến nào, đối tượng phải chịu đựng những nỗi khổ luôn là dân chúng. Nguyên nhân của hiện tượng đó một phần là do tính bất biến của xã hội có giai cấp. Và, đối tượng luôn tìm cách bảo vệ tính bất biến đó chính là Nho học - hệ tư tưởng thống trị của các thời đại phong kiến.

Trong Nho học, quan niệm nền tảng làm chỗ dựa cho tầng lớp thống trị chính là “thiên” (天 - trời). Bởi, từ thời Cổ đại, người ta đã quan niệm rằng, “thiên” mang ý nghĩa là sự tồn tại tự nhiên, có tính tôn giáo, là chủ thể của vạn vật và theo đó, mọi quyền lực của tầng lớp thống trị có được đều do ý trời. Trong Nho học, vấn đề căn

nguyên của bản tính con người, của nguyên lý biến hóa tự nhiên, biến hóa xã hội là hết sức quan trọng, cho nên “thiên” - cội nguồn của mọi luận giải về các vấn đề đó - trở thành một phạm trù căn bản. Điều này có nghĩa là, trong Nho học, trên cơ sở những hiểu biết về “thiên”, người ta có thể xác định được mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người, nắm bắt được khuynh hướng phát triển của vũ trụ và sâu xa hơn, luận chứng được cho tính chính đáng của quyền thống trị chính trị. Vì vậy, trong nghiên cứu Nho học, việc nghiên cứu khái niệm “thiên” là cần thiết.

Dasan Jeong Yak Young (1762 - 1836) là một trong những nhà Nho tiêu biểu của Hàn Quốc. Ông đã tìm kiếm những hiểu biết mới mẻ về “thiên” để làm xuất phát điểm cho một hệ học vấn mới có khả năng phê phán và vượt qua tính lý học - dòng chảy lớn đương thời. Vì thế, trong bài viết này, chúng tôi sẽ tìm hiểu những đặc trưng của khái niệm “thiên”

(\*) Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Nho giáo, Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc.

với tư cách xuất phát điểm của Dasan cho sự nhận thức và phê phán hiện thực cùng những đối sách cho các vấn đề hiện thực.

### 1. Bối cảnh thời đại

Từ sau thời kỳ Tam Quốc (thế kỷ I), ở Hàn Quốc, Nho học trở thành hệ tư tưởng thống trị của quốc gia. Đến thời Joseon (cuối thế kỷ XIV), tính lý học (性理學) của nhà Tống được vận dụng làm quan học (官學) và phát triển rất mạnh mẽ. Tính lý học đầu thời Joseon quan tâm nhiều đến “nhân tính luận” (人性論) và “tâm tính luận” (心性論); việc luận bàn về “lý khí” (理氣), “tứ đoan, thất tình” (四端七情)... với những nhân vật tiêu biểu như Toe Kye và Yun Kok đã được tiến hành rất sôi nổi. Vì thế, thời kỳ này trở thành thời kỳ hoàng kim của tính lý học Joseon. Nhưng về sau này, khi những bản luận về lý khí luận và tâm tính luận càng sâu xa thì các phái đi theo đặc trưng lý luận của “lý khí” càng phát sinh và mở rộng; hơn nữa, do những luận điểm của chính tính lý học cũng đã bị xóa mờ bởi tính suy đoán, suy ngẫm và lý thuyết suông, nên khoảng cách giữa tính lý học với các vấn đề thực tế cũng xa dần. Về mặt xã hội, các thời kỳ Nhâm Thìn Oa loạn (壬辰倭亂) (1592 - 1598) và Bính Tý Hồ loạn (丙子胡亂) (1636 - 1637) đã gây ra những ảnh hưởng nặng nề cho nền độc lập tự chủ của Joseon. Sau thời Lương loạn này, kinh tế và chính trị của Joseon trở nên suy thoái trầm trọng. Thêm vào đó, những cuộc “đảng tranh” ngày càng khốc liệt đã dẫn tới tình trạng kéo dài liên miên của những cuộc chiến chỉ chú trọng bảo vệ lợi ích đảng phái hơn là bảo vệ chế độ chính trị hiện thời. Đặc biệt, việc hàng phục trước quân Thanh, dân tộc mà Hàn Quốc từng coi là man di, là một cú sốc lớn về tinh thần trong xã hội thời đó.

Vì thế, sau thời Lương loạn, để củng cố lại luân lý, kỷ cương của xã hội, tính lý

học đã được phát triển với trọng tâm nghiên cứu là “lễ” (禮). Từ đó, dòng chảy học vấn mang tên “lễ học” trở nên phổ biến và nhiều tác phẩm, thư tịch viết về “lễ” xuất hiện. Tuy nhiên, sự phát triển của lễ học với mục tiêu củng cố trật tự, kỷ cương của xã hội cũng không thể duy trì được sự ổn định cho đất nước. Những cuộc tranh luận về lễ đã được tiến hành rất sôi nổi, nhưng lại bị các đảng phái lợi dụng để phục vụ cho những mục đích chính trị của mình. Cuộc “lễ tụng luận tranh” lần thứ hai (1659 - 1674) đã triển khai những lý luận rất cao siêu, nhưng lại không hề liên quan đến sự ổn định của nền chính trị. Ngược lại, những nhà chính trị lại thông qua đó để nắm lấy quyền lực và lợi dụng lý luận về lễ làm phương tiện chính trị. Kết quả là, những đảng phái thua trong cuộc “lễ tụng luận tranh” bị diệt vong hoặc phải trở về quê hương bàn quán, còn bên trong những đảng phái nắm quyền lại nảy sinh những vấn đề về phân chia quyền lợi, dẫn đến việc mỗi đảng phái lại bị chia thành những bè phái nhỏ hơn. Các nhà chính trị không còn quan tâm đến đời sống của dân chúng, người dân trở nên khốn cùng, xã hội lại bị chia nhỏ và trở nên hỗn loạn.

Nếu đi qua tình hình kinh tế - xã hội và tư tưởng chính trị Hàn Quốc đến trước thời của Dasan, ta có thể thấy những điểm chính như sau:

*Thứ nhất*, sau thời Lương loạn, tính lý học đã không thực hiện đúng vai trò của mình với tư cách quan học. Lý do của việc tiếp thu tính lý học ở đầu thời Joseon là nhằm khắc phục nhược điểm của vương triều Goryeo trước đó và xây dựng một bộ máy cai trị mới cho đất nước. Cho nên, tính lý học đầu thời Joseon là một hệ học vấn mang tính thực tiễn và thiết thực. Nhưng từ giữa thời Joseon, tính lý học đã dần chìm sâu vào tư duy và lý thuyết, xa

rời thực tiễn, trở nên bất lực trong việc giải quyết các vấn đề hiện thực và do vậy, đã xuất hiện những hoạt động nhằm phê phán và khắc phục tính lý học. Những hoạt động đó đã phát triển thành cuộc vận động mang tên “thực học”. Thực học phê phán hiện thực xã hội đương thời và công bố các chính sách mang tính cải cách. Nó có tính thiết thực và dễ kiểm chứng trên thực tế, có thái độ cởi mở và tích cực đối với việc tiếp thu nền văn vật của phương Tây và của nhà Thanh. Vì thế, thực học đã có những ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của nông nghiệp, công thương nghiệp, khoa học kỹ thuật... Bên cạnh đó, thực học phê phán ý thức “tiểu Trung Hoa” (小中華) vốn đang thịnh hành, chủ trương loại bỏ lý niệm cho rằng Trung Quốc là trung tâm của thế giới, đồng thời nhấn mạnh ý thức dân tộc, ý thức tự chủ.

*Thứ hai*, ở thời Joseon, các vấn đề kinh tế ngày càng trở nên phức tạp. Sau thời Lương loạn, ở nhiều nơi, đất đai trở nên hoang hóa. Để vượt qua khổ nạn, dân chúng đã đứng lên khai hoang ruộng đất, cải tiến kỹ thuật canh tác, làm cho nền nông nghiệp phục hồi và ngày càng phát triển. Cùng với sự phát triển đó là sự xuất hiện ngày càng đông đảo tầng lớp phú nông. Tuy nhiên, tầng lớp phú nông vẫn chỉ là một bộ phận nhỏ trong xã hội, còn lại đa số vẫn là nông dân. Họ bị phú nông lấn chiếm đất đai và bóc lột về kinh tế. Để duy trì cuộc sống, những người nông dân phải trở thành tá điền hoặc bỏ xứ đi tha phương cầu thực. Trong thời Joseon, công thương nghiệp cũng đã phát triển. Nhưng, do xã hội thời Joseon là một xã hội bảo thủ về mặt giai cấp nên những nhà kỹ thuật và thương nhân bị coi thường và khinh rẻ hơn nông dân. Bước sang thời kỳ hậu Joseon, nhờ sự lưu thông tiền tệ và luật công thuế sửa đổi, hoạt động công thương nghiệp trở nên sôi động hơn. Tuy

nhiên, trong nền kinh tế thị trường mới mẻ này, chỉ có một bộ phận nhỏ trong xã hội chiếm được độc quyền sản xuất và lưu thông hàng hóa, còn phần đông dân chúng và những người sản xuất thì bị bóc lột.

*Thứ ba* là sự trưởng thành trong nhận thức của nhân dân. Nông nghiệp và công thương nghiệp phát triển đã dẫn đến sự ra đời của phú nông, thương gia lớn, nông dân giàu và nô bộc. Nhưng, số lượng người bình dân, nông dân, thương nhân nghèo còn đông đảo hơn. Đối phó với cuộc khủng hoảng tiền tệ, triều đình Joseon đã lập ra chế độ trả tiền để được thay đổi địa vị xã hội. Nhưng, tầng lớp quý tộc cảm nhận được mối đe dọa từ sự việc này nên đã bóc lột những người dân thường một cách ráo riết, khiến cho họ luôn ở trong tình cảnh khốn khó, không thể thay đổi được thân phận, nhằm bảo vệ trật tự đẳng cấp. Như vậy, trong quá trình phát triển của xã hội, những người dân thường trở thành đối tượng của sự bóc lột tàn ác. Họ trở nên bất mãn và có những trăn trở về hiện thực và cấu trúc xã hội. Kết quả của những trăn trở và bất mãn đó là sự trưởng thành về mặt nhận thức của tầng lớp bình dân.

Những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội kể trên cứ ngày một trầm trọng thêm, gây ra sự mâu thuẫn, đấu tranh, sự khốn cùng và khổ cực của những thành viên trong xã hội và hơn thế, là sự hỗn loạn trong toàn xã hội thời kỳ hậu Joseon.

*2. Mục đích học vấn của Dasan và sự phê phán học vấn đương thời của ông*

Với tư cách một chính trị gia và một học giả, Dasan đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ giải quyết những vấn đề hiện thực phát sinh trong xã hội đương thời. Ông đặc biệt quan tâm đến cuộc sống của những người dân bị bóc lột nặng nề và mong muốn tìm ra được những phương thức thiết thực để giúp đỡ họ. “Liệu có

thể làm giàu cho nhân dân, cai trị quốc gia và xã hội một cách sáng suốt không?" chính là cách thức nhận thức vấn đề hiện thực của Dasan.

Từ đó, Dasan đã xác định mục đích của hệ thống học vấn của mình là góp phần cải biến xã hội, xây dựng một phương án hiện thực để trị vì đất nước và đạt được sự ổn định trong đời sống nhân dân. Điều này trước tiên thể hiện qua những mục tiêu mà, theo Dasan, người quân tử cần phải đạt được trong quá trình trau dồi tri thức. Ông từng nói: "Trước hết phải xây dựng nền móng bằng Kinh học, rồi sau đó phải dày công nghiên cứu lịch sử thời xưa để biết được những thành công cũng như thất bại và nhận thức được những nguyên nhân của chúng. Phải đặt hết tâm huyết vào học vấn thực tiễn để say sưa tìm hiểu về việc người xưa đã trị nước và cứu dân như thế nào. Chỉ đến khi tâm lòng luôn luôn mang nặng quyết tâm làm cho dân chúng giàu có và vạn vật phát triển thì mới thành người quân tử"(1). Việc mang trong mình ý chí cứu giúp nhân dân và tham khảo những phương án thiết thực cho việc tu kỹ (修己) và trị nhân (治人) chính là mục đích học vấn của người quân tử. Dasan hiểu học vấn của người quân tử, tức việc trị nhân và tu kỹ, là việc làm sáng tỏ ngũ luân (五倫)(2). Ông chủ trương xây dựng thế giới nhân luân mà trong đó, ngũ luân minh bạch. Đồng thời, ông cũng cho rằng, việc kiến lập thế giới nhân luân đó nhất thiết phải thông qua sự suy ngẫm và phê phán những thực trạng hiện tồn.

Vì vậy, Dasan đã tiến hành phê phán những hệ học vấn đang tồn tại để luận chứng cho tính lôgic và tính chính đáng của học thuyết của mình. Những hệ học vấn mà Dasan xem xét rất đa dạng. Bắt đầu từ Kinh học (phương pháp giải thích kinh điển), ông phê phán tính lý học, Dương Minh học, huấn cổ học, từ chương

học, khoa cử học, thuật số học và Tây học (mới bắt đầu du nhập trong thời gian đó). Tiêu chuẩn đánh giá của Dasan về những hệ học vấn này là những lời dạy của Nghiêu, Thuần, Vũ, Chu Công và Khổng Tử. Đạo học được tạo nên từ Nghiêu, Thuần, Chu Công và Khổng Tử gọi là chính học (正學)(3). Dasan cho rằng, tinh thần cơ bản từ đời Nghiêu, Thuần đến Khổng Tử được lưu truyền trong *Đại học* (大學) và *Trung dung* (中庸); từ sau thời Khổng Tử, do sự phân tích sai lầm của Kinh học, mạch kế thừa đó đã bị đoạn tuyệt. Điều này khác với quan điểm của Chu Tử cho rằng, đạo Khổng được kế thừa qua các đời từ Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử, Trình Tử rồi đến đời mình. Điều này có nghĩa là, Dasan loại trừ Trình Tử, Tử Tư trong quá trình kế thừa đạo, để rồi phê phán tất cả các mảng của Nho học từ sau *Đại học* và *Trung dung*, như huấn cổ học, từ chương học của nhà Hán - Đường, thậm chí cả lý học (理學) thời Tống - Minh. Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi chỉ xin đề cập đến sự phê phán của Dasan về tính lý học, Chu Tử học, Dương Minh học và Tây học.

Đối tượng mà Dasan cho rằng cần phải phê phán đầu tiên chính là tính lý học - cơ sở của mọi ý thức và hành vi của tầng lớp trí thức thời Joseon. Ông tìm hiểu trọng tâm của việc dạy Nho học mà tính lý học đang lấy làm cơ sở, rồi từ đó phê phán những cuộc tranh luận vô ích cùng những quan niệm và thái độ sai lầm của những học giả tính lý học thời đó. Theo ông, tính

(1) Jeong Yak Young. *Dữ Do đường toàn thư*. Nxb Yeo Gang, Seoul, 1985, t.1, q.21, phần 4b, "Thi văn tập" (與猶堂全書 1集 21卷 4b 「詩文集」).

(2) Xem: Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.1, q.18, phần 40a, "Thượng yêm viên thư" (與猶堂全書 1集 18卷 40a 「上弁園書」).

(3) Xem: Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.1, q.20, phần 20a, "Thi văn tập, Ngũ học luận" (與猶堂全書 1集 20卷 20a 「詩文集·五學論」).

lý học có ý nghĩa ở việc “biết đạo, biết mình để thực thi đạo lý”. Nghĩa là, tính lý học có vai trò trong việc nghiên cứu và giác ngộ về thứ tự vận động của tự nhiên, về sự tồn tại của bản thân mỗi cá nhân trong mối liên hệ giữa tự nhiên và xã hội, để rồi hiện thực hóa sự hiểu biết đó vào những mặt cụ thể của đời sống. Đưa ra ý kiến của mình về mối quan hệ giữa trời và người, giữa ý chí của trời và sự vận động của vạn vật, những đạo lý cơ bản mà con người phải tuân theo, về mối quan hệ giữa việc hiện thực hóa quy phạm luân lý với sự sùng bái trời, về quan hệ giữa “pháp” và “lễ” với tư cách công cụ chính trị và ý kiến về sự học hành tu dưỡng của cá nhân, Dasan cho rằng: “Những học giả thời xưa coi căn nguyên của bản tính con người là ở trời; sự vận động của vạn vật, nhân luân là sự đạt đạo; coi hiếu để và trung tín có căn nguyên từ sự phục tùng đối với trời; lễ nhạc và hình chính là công cụ để cai trị con người; thành ý và chính tâm là mấu chốt để con người có thể tiếp cận được với trời”(4). Nghĩa là, trời là một bản thể ban cho con người và sự vật bản tính và lý trí; con người được trời phú cho bản tính; đạo phổ biến kết nối quan hệ giữa người với người chính là nhân luân. Việc hiện thực hóa quy phạm luân lý của hiếu để và trung tín chính là bắt nguồn từ sự phục tùng đối với trời; phương pháp cụ thể và phương tiện hỗ trợ thực hiện hiếu để và trung tín chính là lễ nhạc và hình chính. Và, điều trở thành mấu chốt cho việc con người tiếp cận được với trời chính là thành ý và chính tâm - hai phương pháp được đề cập đến trong sách *Đại học*. Đó là trọng tâm của Nho học theo cách nhìn của Dasan.

Nhưng, các học giả tính lý học thời đó đã làm sai lệch những nội dung cơ bản của Nho học, đã biến tấu hoặc đánh mất ý nghĩa sâu sắc của Nho học trong những

cuộc tranh luận vô bổ. Dasan tổng kết lại rằng, không chỉ những khái niệm chủ yếu của tính lý học, như lý khí (理氣), tính tình (性情), thể dụng (體用), khí chất (氣質), mà cả những luận thuyết như “tứ đoan thất tình luận” (四端七情論), “nhân vật tính đồng dị luận” (人物性同異論), “vị phát tâm thể hữu thiện ác luận” (未發心體有善惡論), cùng những vấn đề tranh luận chủ yếu vốn tạo nên đặc trưng của tính lý học thời Joseon, như lý phát (理發) - khí phát (氣發), dị phát (已發) - vị phát (未發), đơn chỉ (單指) - kiêm chỉ (兼指), lý đồng khí lý (理同氣理) - khí đồng lý dị (氣同理異), tâm thiện vô ác (心善無惡) - tâm hữu thiện ác (心有善惡), v.v. đều không hề liên quan đến việc dạy Nho học vốn có. Ông cho rằng, những khái niệm cơ bản cấu thành nên hệ thống lý luận của tính lý học là những điều vô nghĩa, những cuộc tranh luận học thuật liên quan đến “tứ thất luận” hay “nhân vật tính đồng dị luận” là những cuộc tranh luận hoàn toàn vô ích.

Ngoài những chủ trương, những cuộc tranh luận và những khái niệm cơ bản của tính lý học, Dasan còn không đồng tình với những kiến giải mang tính thủ cựu, cố chấp của các nhà tính lý học đương thời về lễ nhạc, hình chính, uy nghi (威儀)... Các nhà tính lý học thời đó cho rằng, việc dùng lễ nhạc làm quy tắc và niềm vui, dùng hình chính làm phương tiện hỗ trợ, dùng uy nghi để làm phương tiện duy trì việc thi hành hiếu để và trung tín, v.v. là không cần thiết. Dasan phê phán khuynh hướng của những nhà tính lý học chỉ chú tâm đến việc tu dưỡng bản thân về bên trong mà coi thường những phương tiện và biện pháp để kiểm chế hành vi của mình.

Thế nhưng, hơn hết, trọng tâm của những phê phán của Dasan đối với tính lý học chính là ở luận điểm cho rằng, hệ

(4) Jeong Yak Young. *Săd.*, t.1, q.11, phần 18b, “Ngũ học luận” (與猶堂全書 1集 11卷 18b「五學論」).

thống hình nhi thượng học mang tính đạo đức của Chu Tử học - hệ học vẫn có vai trò kiến lập nên thế giới nhân luân này - không hề có căn cứ thực tế. Trong Chu Tử học, người ta coi “thiên lý” như một bản thể quán thông toàn bộ lịch sử vũ trụ và loài người, được hiện thực hoá thông qua sự hợp nhất tuyệt đối giữa thiên và nhân. Theo đó, con người đón nhận thiên lý - nguyên lý vừa mang tính vũ trụ luận, vừa mang tính đạo đức - như là bản tính của mình; và, chỉ cần mỗi cá nhân đều hiểu biết sâu sắc về quy luật cùng trạng thái của vạn vật và hành động theo bản tính đó thì không chỉ thiết lập được trật tự luân lý của toàn thể xã hội loài người, mà còn có thể cùng tham gia vào quá trình sáng tạo của thiên địa vạn vật(5). Như vậy, Chu Tử học quy toàn bộ việc kiến lập thế giới nhân luân về việc dốc lòng thực hiện bản tính (tận tính - 盡性). Điều này cũng có nghĩa là luân lý - quy luật quan hệ giữa bản thân và người khác - được quy về vấn đề tận tính. Vì thế, trong Chu Tử học, điều được coi trọng hơn cả chính là sự tu dưỡng đạo đức bên trong. Dasan không đồng tình với phương thức kiến lập thế giới nhân luân đó của Chu Tử học. Luận đề trung tâm mà Dasan đưa ra để đối lập lại với quan điểm trên là, luân lý được thực hiện trong mối quan hệ giữa người với người, chứ không xuất hiện một cách bùng phát thông qua bản tính. Dasan phủ định tính chủ thể và tính tồn tại thực xét trên phương diện hình nhi thượng của thiên lý, đồng thời cho rằng, “tính tức lý” (性卽理) - mệnh đề thứ nhất của Chu Tử học - là một lập luận vô căn cứ. Theo quan điểm của Chu Tử học, bản tính đạo đức giống như hạt nhân bên trong tâm hồn con người. Còn theo Dasan, đó không phải là cách tư duy vốn có của Nho học tiên Tần, mà đã bị ảnh hưởng từ Phật giáo(6). Vì thế, ông cho rằng, tính lý học

của Chu Tử học là Nho học đã bị biến chất do ảnh hưởng của Phật giáo. Nó đã đánh mất lối tư duy vốn có trong Nho học tiên Tần và thất bại trong việc kiến lập thế giới nhân luân.

Dasan còn hướng sự phê phán của mình vào Dương Minh học, mặc dù Dương Minh học cũng có nhiều điểm bất đồng với Chu Tử học. Giống như Dasan học, Dương Minh học đã phê phán những nội dung sau của Chu Tử học: hệ thống tư duy yêu cầu căn cứ vào thiên lý - trên phương diện hình nhi thượng học - để quán thông thiên nhân; tính bao trùm vạn vật của thiên lý; phương pháp luận học vẫn dựa trên luận điểm cho rằng có thể đạt tới “hoạt nhiên quan thông” (豁然貫通) bằng việc nghiên cứu quy luật và tình trạng của vạn vật; thuyết “tiên tri hậu hành”, v.v.. Nhưng, trái với việc Dương Minh học bảo vệ hệ thống lý luận quán thông thiên nhân với học thuyết tiêu biểu là “thiên địa vạn vật nhất thể”, Dasan học đã phủ nhận sự hợp nhất giữa thiên và nhân. Dasan cho rằng, thuyết “trí lương tri” (致良知) của Vương Dương Minh có thể đưa con người đến con đường sai trái(7). Theo ông, luận thuyết đó đã phạm phải những mâu thuẫn mang tính lôgic. Xét về mặt ý nghĩa, trí và lương tri không nối tiếp nhau, nhưng lại bổ sung cho nhau(8). Dasan nhận thấy rằng, khó có thể

(5) Xem: Han Jung-gil. *Sự hình thành và triển khai thế giới quan trong Đạo học đầu thời Joseon*. Nxb Hye An, Seoul, 2004, tr.305.

(6) Xem: Oh Jong-il. *Cấu trúc tư tưởng kinh thế của Dasan*. Tạp chí Nghiên cứu tư tưởng Nho giáo, số 2, 1987, tr.4.

(7) Xem: Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.1, q.12, phần 18a-19a, “Thi văn tập. Biện. Trí lương tri biện” (與猶堂全書 1集 12卷 18a~19a 詩文集·辨·致良知辨).

(8) Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.1, q.12, phần 18b, “Thi văn tập. Biện. Trí lương tri biện” (與猶堂全書 1集 12卷 18b 「詩文集·辨·致良知辨」).

thông qua thuyết “trí lương tri” để kiến lập một thế giới có luân lý và trật tự. Bởi, lương tri là bản thể đạo đức nội tâm mà hầu hết mọi người đều có, nhưng chỉ với việc thực hiện lương tri thôi thì không thể liên kết được những mối quan hệ giữa mọi người thành một mối quan hệ lớn duy trì luân lý đạo đức.

Cùng với tính lý học, Dasan còn quan tâm nhiều đến việc phê phán Tây học. Trong thời đại của Dasan, tức cuối thời Joseon, dưới ảnh hưởng của phương Tây, Tây học (trong đó bao gồm cả khoa học kỹ thuật và Thiên Chúa giáo) bắt đầu được du nhập và trở nên phổ biến ở Hàn Quốc. Dasan đánh giá rất cao các thành tựu khoa học phương Tây và đã tự mình nghiên cứu khoa học kỹ thuật để xây dựng nên “thành Thủy Nguyên”. Ông đã đạt đến những nhận thức sâu sắc và có thể phân biệt rạch ròi giữa khoa học tự nhiên và Thiên Chúa giáo trong các khía cạnh khác nhau của Tây học(9). Vì thế, dù đánh giá cao khoa học kỹ thuật phương Tây nhưng ông vẫn phản đối Thiên Chúa giáo. Đã có rất nhiều ý kiến về mối quan hệ giữa Dasan và Thiên Chúa giáo. Ví dụ như, có người đánh giá Dasan là “ngoại hữu nội gia” (外有内耶) (bên ngoài thì là nhà Nho mà bên trong lại là người theo Gia tô giáo)(10). Hay cũng có ý kiến cho rằng, Dasan chủ trương thông qua việc thấu hiểu bản chất của Nho học và Thiên Chúa giáo để khiến cho hai đối tượng này có thể giao lưu một cách bình đẳng và cùng tồn tại(11). Trong quan điểm của nhiều học giả, những luận thuyết của Dasan, như “đức hạnh luận”, “tu dưỡng luận” - bao gồm “Thượng đế luận, lý khí luận, âm dương ngũ hành luận, quý thần luận, thiện ác luận” -, “tứ thiên (四天) luận”, v.v. đều được hình thành dựa trên những ảnh hưởng của Tây học. Như vậy, điểm chung của các ý kiến trên là đều cho

rằng, Tây học có ảnh hưởng sâu sắc tới tư tưởng của Dasan.

Song, cho dù Dasan có thật sự tiếp thu nhiều ảnh hưởng của Tây học thì cũng không thể coi ông là “tín đồ” của Thiên Chúa giáo. Bản thân ông đã đưa ra *Thượng sơ văn* để chính thức phủ nhận việc mình là một giáo đồ Thiên Chúa(12). Ông nhận thấy rằng, trong số các giáo lý của Thiên Chúa giáo, có nhiều điểm, về cơ bản, trái ngược với những điều răn dạy của Nho học - hệ thống tín niệm của mình, như chủ trương “không thờ cúng tổ tiên”. Trong Nho học, việc thờ phụng tổ tiên có liên quan mật thiết đến việc khẳng định tính nhân luân. Thờ cúng tổ tiên là biểu hiện của ý thức “báo ân” đối với các bậc tổ tiên và cha mẹ đã sinh thành và nuôi nấng mình. Đó là việc thực hiện đạo hiếu, đức mục cơ bản nhất của nhân luân. Dasan đã đặt ra mục tiêu cho hệ học vấn của mình là kiến lập thế giới nhân luân, nên với ông, việc phủ nhận nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên như quan điểm của Thiên Chúa giáo là không thể chấp nhận được. Có thể nói, dù Dasan đã tiếp nhận nhiều ảnh hưởng từ Thiên Chúa giáo, nhưng rõ ràng, thế giới lý tưởng của ông không hề được xây dựng thông qua Thiên Chúa giáo. Ông chỉ sử dụng những khía cạnh nhất định của Thiên Chúa giáo để thực hiện mục đích vốn có của Nho học.

(9) Xem: Choi Ik-hoan. *Học phái thực học và Dasan*. Nxb Văn hóa Hàn Quốc, Seoul, 1996, tr.288.

(10) Xem: Lee Sang-eun. *Quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng thực học*. Nxb Tạp chí Chang Jo, 1972.

(11) Xem: Choi Suk-u. *Tư tưởng Tây học của Dasan Jeong Yak Yong*. Nxb Da-sod Su-rye, Seoul, 1993; Lee Guang-ho. *Sự gặp gỡ của Dasan và Cơ Đốc giáo*. Tạp chí Nghiên cứu triết học, số 19, 2003.

(12) Xem: Viện biên dịch cổ truyền Hàn Quốc. *Chính Tô thực lục* (Chính Tô năm thứ 21, tháng 6 Canh Dần). Nxb Phát triển văn hóa dân tộc, Seoul, 1993.

Tóm lại, Dasan đã nhận thấy rằng, không thể dùng những hệ học vẫn đương thời, như tính lý học, Dương Minh học, huân cổ học, Tây học... để kiến lập thế giới nhân luân. Ông cho rằng, có thể dựa trên những suy ngẫm và phê phán về Chu Tử học - hệ học vẫn đang chi phối đời sống và nhận thức của những nhà trí thức thời đó - để tạo nên một hệ học vẫn có thể đảm đương nhiệm vụ đó. Dưới đây, chúng tôi sẽ xem xét quan niệm của Dasan về “thiên” để biết ông đã khắc phục Chu Tử học và sáng lập hệ học vẫn của mình như thế nào.

### 3. Những đặc sắc trong quan niệm của Dasan về “thiên”

“Thiên” thường được sử dụng với ba nghĩa: “thương thương thiên” (蒼蒼天), “chủ tể thiên” (主宰天) và “lý pháp thiên” (理法天). Chu Tử nói: “Nguyên nhân trời thành trời là theo lý. Nếu trời không có đạo lý này thì không thể là trời được nên bầu trời xanh xanh cũng là bầu trời của đạo lý đó”; và, “Khi nói rằng ‘bầu trời sáng gọi là bản tính lý’ tức là nói đến đạo, khi nói ‘trời xanh và xanh’ là nói đến hình thể, khi nói ‘chỉ có Thượng đế mới ban cho bách tính dưới trần tâm lòng yêu thương tình nghĩa’ là nói đến chữ ‘đế’ (帝). Vì trời ban cho lý đó nên mới mang nghĩa chủ tể”. Trong câu trích dẫn thứ nhất, có thể thấy, căn nguyên của bầu trời trong sáng là ở “lý”; và, trong câu trích dẫn thứ hai, tính chủ tể của trời cũng là ở “lý”. Như vậy, Chu Tử học quy hết “thương thương thiên” và “chủ tể thiên” về “lý pháp thiên”. Do đó, trong Chu Tử học, thay vì “thiên”, “lý” xuất hiện như một tồn tại có thực và căn bản nhất, có thể cai quản sự sinh thành và biến hóa của vạn vật.

Dasan đã phủ định quan niệm “lý pháp thiên” đó của Chu Tử học, vì quan niệm đó quy thiên thành lý(13). Trong quan

niệm đó, “lý” không chỉ là tồn tại thực, độc lập, căn bản nhất, có thể hình thành nên mọi tồn tại và cai quản sự biến hóa của vạn vật, mà còn là một nguyên lý hình nhi thượng, làm căn cứ cho quy tắc đạo đức mà còn người phải tuân theo. Dasan không thừa nhận “tính độc lập và tồn tại thực”, “tính chủ tể” và “tính căn nguyên của giá trị đạo đức” đó của “lý”. Theo ông, “lý” chỉ có nghĩa là “mối liên kết” (脈理 - 脈理) tồn tại bên trong sự vật hoặc trạng thái nào đó(14). “Lý” không vượt quá một “y phụ chi phẩm” (依附之品), tức một thuộc tính không tồn tại độc lập bên ngoài các sự vật cá biệt. Với việc phủ nhận tính tồn tại thực và độc lập của “lý”, để phê phán quan niệm của Chu Tử học coi “lý” là sự tồn tại siêu hình có thể sáng tạo nên vạn vật, Dasan cũng phủ nhận tính chủ tể của “lý”. Theo ông, “tính chủ tể” có được từ “sự anh minh”. Trong khi đó, “lý” không có trí lực anh minh. Cái “lý” như thế không thể điều khiển được sự biến hóa của vạn vật và hành vi của con người. Dasan còn cho rằng, “lý” không thể được đúc kết thành nguyên lý đạo đức, tức “sở đương nhiên chi lý” (所當然之理), không thể là căn nguyên của những hành vi đạo đức, bởi nguyên lý đạo đức phải có khả năng điều hành năng động để có thể dẫn dắt mọi hành vi của con người, mà “lý” thì không biểu hiện được tính năng động và tính chứa tể. Như vậy, Dasan đã phủ nhận “tính tồn tại độc lập và thực tiễn”, “tính chủ tể” và “tính căn nguyên của các giá trị đạo đức” và qua đó, phê phán quan niệm “lý pháp thiên” của Chu Tử học với sự

(13) Xem: Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.2, q.4, phần 21a, “*Trung dung giảng nghĩa*” (與猶堂全書 2集 4卷 21a 中庸講義).

(14) Xem: Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.2, q.6, phần 38b, “*Mạnh Tử yếu nghĩa*. Q.2” (與猶堂全書 2集 6卷 38b 孟子要義 卷2).



đúc kết “lý” thành cội nguồn chung của sự tồn tại và giá trị.

Từ việc phủ định “lý pháp thiên” như trên, Dasan đã đưa ra cách hiểu mới về hai khái niệm “thương thương thiên” và “chủ tể thiên”(15). Về khái niệm “thương thương thiên”, Dasan nói: “Bầu trời mang sắc xanh kia không hơn gì một mái nhà che chở cho con người; về vị thế thì cũng chẳng vượt quá so với đất, nước, gió; như vậy làm sao có thể là căn bản cho tính và đạo của con người được?”(16). Đặc tính thứ nhất của “thương thương thiên”, mà chúng ta có thể cảm nhận bằng giác quan, là có hình thể. Theo đó, “thương thương thiên” không là gì khác ngoài một thực thể trong vạn vật như đất, nước, gió... Đặc tính thứ hai của “thương thương thiên” bắt nguồn từ việc nó sinh ra từ khí. Theo đó, nó không phải là một tồn tại linh thiêng và vì thế, nó không thể sinh ra cho con người bất cứ một bản tính nào, cũng như không thể là nguồn gốc của tính và đạo. Và đương nhiên, “thương thương thiên” cũng không thể có mối liên quan gì với thế giới nhân luân, nơi mà con người sống theo đạo lý và bản tính của mình.

Theo Dasan, mọi thực thể trong thế giới tự nhiên đều là sự tồn tại vật chất do “khí” tạo thành. Nói cách khác, vũ trụ hình thành từ “khí”, tức “thái cực”. Đầu tiên, nhất khí của thái cực phân hoá thành nhị khí thiên địa; sau đó, nhị khí biến hoá thành tứ khí thiên địa thủy hỏa; sự tác động qua lại giữa bốn khí đó lại tạo thêm sơn (山), trạch (澤), phong (風), lôi (雷) để trở thành bát vật, từ đó tạo nên vạn vật(17). Khí có hình thể, nhưng không có năng lực tri giác. Mà theo Dasan, phải có sự anh minh thì mới có khả năng cai quản vạn vật, dù là bất cứ tồn tại nào. Một thực thể không có sự anh minh thì không thể điều hành được sự vận động biến hoá của bản thân mình cũng như của các thực thể

khác. Vì thế, tạo hoá - quá trình phân hoá nhất khí của thái cực thành vạn vật - không thể là sự tự vận động của thái cực. Chủ thể của tạo hoá phải được xác định rõ ràng. Chủ thể đó chính là Thượng đế với tư cách “chủ tể thiên”. “Chủ tể thiên” là sự tồn tại tuyệt đối, độc nhất vô nhị, tuy không có hình thể và hình chất nhưng lại có thể cai quản muôn vật một cách sáng suốt. Thượng đế đứng bên ngoài trời, đất, quỷ thần và người đê sinh thành, cai quản và đem lại sự yên ổn cho vạn vật. Ở đây, Dasan đã bổ sung ý nghĩa “Thượng đế” vào khái niệm “thiên” truyền thống và đưa ra khái niệm “Thượng đế thiên”.

Về địa vị của Thượng đế, Dasan cho rằng, Thượng đế là một tồn tại siêu hình, bên ngoài trời đất. Nhận định này khác với việc xác định “bản nguyên” trong thế giới quan truyền thống phương Đông, mà theo đó, bản nguyên được quy định là thiên, đạo, thái cực, khí hay lý. Nếu xác định rằng bản nguyên nằm trong giới tự nhiên, thì nguyên lý vận hành của tự nhiên (thiên đạo) được quy thành nguyên lý của những hành vi của con người (nhân đạo), đó chính là đặc trưng của thế giới quan theo quan niệm “thiên nhân hợp nhất”. Nhưng khi quy sự tồn tại tận cùng thành sự tồn tại siêu nhiên, như quan niệm của Dasan, tinh thể lại khác đi. Lúc này, sự tồn tại tận cùng được nhấn mạnh thành sự tồn tại tuyệt đối, không phụ thuộc vào “lý pháp” của tự nhiên. Với tư duy như thế, vạn vật trong tự nhiên chịu sự chi phối của mệnh lệnh từ Thượng đế nhiều hơn là chịu sự chi phối của nguyên lý vận hành nội tại của tự nhiên. Theo đó, con người, với tư cách một trong những

(15) Xem: Jeong Yak Young, *Sdd.*, t.1, q.8, phần 3a, “Trung Dung sách” (與猶堂全書 1集 8卷 3a 中庸策).

(16) Jeong Yak Young, *Sdd.*, t.2, q.6, phần 38b, “Mạnh Tử yếu nghĩa” (與猶堂全書 2集 6卷 38b 孟子要義).

(17) Xem: Jeong Yak Young, *Sdd.*, t.3, “Thiệu Tử tiên thiên luận” (與猶堂全書 3集 邵子先天論).

thành phần của tự nhiên, phải biết thấu suốt mệnh lệnh của Thượng đế và làm tròn vai trò mà Thượng đế giao phó. Dasan cho rằng, nhiệm vụ của con người “không phải là hợp nhất theo thiên đạo” mà là phải “sáng suốt phục tùng Thượng đế”.

Chức năng của Thượng đế trong mối quan hệ với vạn vật là “tạo tác (tạo hóa - 造化), cai quản (tể chế - 宰制) và an dưỡng (安養)”. Ở đây, việc “cai quản” và “an dưỡng” không phải là khó hình dung, bởi chỉ đơn giản là làm cho vạn vật yên ổn. Vấn đề là, phải hiểu như thế nào về “sự tạo tác”. Liệu có thể cho rằng “tạo tác” là sinh thành nên trời đất hay không?

Nói chung, “tạo hóa” có nghĩa là “sinh thành (生成) và hóa dục (化育)”. Song, tùy vào việc mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng của sự tạo tác được nhìn nhận như thế nào mà hình ảnh cụ thể của tạo hóa cũng khác đi. Trong quan niệm về thiên địa vạn vật (thế giới quan truyền thống của phương Đông), chủ thể của sự tạo tác được cho là trời đất (âm dương) và đối tượng của nó được hiểu là vạn vật. Ở đó, trời đất không vượt ra khỏi vạn vật. Sự “sinh thành, hóa dục” được thực hiện thông qua mối giao cảm tương hỗ giữa trời (dương) và đất (âm). Sự tạo tác chính là quá trình sinh thành vạn vật thông qua tác dụng giao cảm tương hỗ của trời đất bên trong thế giới tự nhiên. Khác với quan niệm đó, Dasan phủ nhận việc coi trời đất là cha mẹ sinh ra vạn vật. Ông cho rằng, chủ thể của sự tạo tác là Thượng đế, đối tượng là vạn vật trong trời đất(18). Thượng đế - chủ thể của quá trình tạo tác - vượt lên hẳn vạn vật (đối tượng của sự tạo tác) trong đất trời. Ở đây, sự “sinh thành, hóa dục” được hiểu là việc Thượng đế sáng tạo ra vạn vật. Xét về khía cạnh này, đối với Dasan, sự tạo tác bao hàm cả quá trình sáng tạo ra trời đất. Nói tóm lại, Dasan cho rằng, Thượng đế là tồn

tại tuyệt đối, duy nhất, có tính anh minh và khả năng cai quản vạn vật; Thượng đế sinh thành và cai quản vạn vật, đồng thời mang lại sự yên lành cho vạn vật.

Trong triết học của Dasan, việc đề cao vai trò của Thượng đế xuất phát từ quan niệm của ông về mối quan hệ giữa trời với người. Dasan cho rằng, Thượng đế và con người đều là chủ thể hành động của chính mình và hai bên có thể thông hiểu qua mối quan hệ mang tính hỗ tương. Thượng đế và con người được liên kết thông qua hành vi “ra lệnh” và “phục tùng”. Thượng đế ra mệnh lệnh và bắt con người phục tùng theo, con người tuân theo Thượng đế. Hiểu và làm theo mệnh lệnh của Thượng đế thì con người sẽ đạt được những điều mình mong muốn.

Theo Dasan, mệnh lệnh mà Thượng đế ban xuống cho con người thể hiện dưới hai hình thức. Thứ nhất là việc Thượng đế ban cho con người bản tính với khuynh hướng thích thiện, ghét ác ngay từ khi con người sinh ra. Thứ hai là việc Thượng đế giám sát, làm sáng tỏ mọi hành vi của con người trong suốt quãng đời của họ. Khuynh hướng thích thiện, ghét ác của con người chính là hình thái của “bản tính” (本性) mà con người có được, còn tính sáng suốt của Thượng đế để giám sát hành vi của con người xuất hiện như hình thái của “đạo tâm” (道心). Thượng đế cai quản con người dưới hai hình thức mệnh lệnh này. Việc con người nhận và phục tùng mệnh lệnh của Thượng đế được đánh giá thông qua sự so sánh giữa một bên là hành vi của con người với một bên là đạo tâm và bản tính. Đây chính là “suất tính” (率性) và “giới thận khùng cụ” (戒慎恐懼) - đều chỉ thái độ của con người khi tiếp nhận mệnh lệnh của Thượng đế. Như vậy,

(18) Xem: Jeong Yak Young, *Sđđ.*, t.2, q.31, phần 12, “Mai Thị thư bình. Q.3” (與猶堂全書 2集 31卷, 12, 梅氏書評 卷 3).

quan hệ giữa Thượng đế và con người là mối quan hệ tương tác trực tiếp thông qua mệnh lệnh và sự phục tùng.

Dasan cho rằng, nội dung thực chất của mệnh lệnh và sự phục tùng, cái tạo nên sự tương tác giữa Thượng đế và con người chính là “nhân luân”. “Việc trời theo dõi thiện ác của con người luôn có trong nhân luân. Việc con người tu dưỡng bản thân và nghe theo mệnh lệnh của trời xét cho cùng cũng là việc nỗ lực thực hiện theo nhân luân”(19). Thượng đế ra mệnh lệnh để bắt con người thực hiện nhân luân, con người thực hiện nhân luân và có thể tương tác với Thượng đế bằng việc phục tùng mệnh lệnh đó. Để thực hiện nhân luân, bản thân mỗi con người phải tu dưỡng về thận độc (慎獨), thành (誠) và giới thận khùng cụ (戒慎恐懼). Việc mỗi người tu dưỡng bản thân, thực hiện nhân luân trong quan hệ với người khác chính là tuân theo mệnh lệnh của Thượng đế. Từ đây, có thể thấy, việc Dasan đưa ra hình tượng Thượng đế chính là nhằm mục đích xây dựng thế giới nhân luân. Việc ông đưa ra khái niệm “Thượng đế thiên” với tư cách “chủ tể thiên” và khắc họa Thượng đế thành một nhân vật có vị trí tuyệt đối với tâm hồn lương thiện và anh minh, một người giám sát nghiêm khắc, cho thấy ý đồ của ông là làm xuất hiện sự kính nể mang tính tôn giáo trong con người, đem lại động cơ thực hiện luân lý mạnh mẽ trong hiện thực, từ đó xây dựng nên một xã hội có luân lý. Như vậy, Dasan đã xây dựng hình tượng Thượng đế với mục đích thực tế là xây dựng một thế giới nhân luân. Điều này hoàn toàn khác biệt với quan niệm Thượng đế của Thiên Chúa giáo.

Trong giới học giả Hàn Quốc, có nhiều ý kiến cho rằng, Thượng đế trong quan niệm của Dasan có quan hệ chặt chẽ với “Chúa trời” trong Thiên Chúa giáo.

Đương nhiên, chúng ta không thể coi nhẹ những ảnh hưởng mà Dasan đã tiếp nhận từ hệ tư tưởng ấy. Có lẽ, trong quá trình tìm kiếm các phương án đa dạng để tái lập quan niệm về luân lý, Dasan đã khám phá được những điểm nhấn ấn tượng trong hình tượng Chúa trời của Thiên Chúa giáo. Tính chất và khả năng của Thượng đế mà Dasan đưa ra cũng có nhiều điểm tương đồng với Chúa trời. Nhưng, rõ ràng, việc đồng nhất Chúa trời của Thiên Chúa giáo với quan niệm về Thượng đế của một người coi trọng nhân luân như Dasan sẽ tạo nên sai lệch căn bản trong bản chất của cả hai quan niệm này.

Tóm lại, quan niệm mới mẻ về Thượng đế mà Dasan đưa ra có vài điểm giống với Chúa trời trong Thiên Chúa giáo. Đặc biệt, việc coi Thượng đế là một thực thể siêu nhiên có thể được đánh giá là đã bước ra khỏi quan niệm đồng nhất giữa người và trời của thế giới quan truyền thống phương Đông, tiếp cận thế giới quan phân tách trời và người của phương Tây. Như vậy, có thể thấy rằng, triết học của Dasan đã đạt đến điểm giao thoa giữa phương Đông và phương Tây. Nhưng, Dasan đã không tìm kiếm trong văn hoá phương Tây các cách thức giải quyết vấn đề thực tiễn của Hàn Quốc lúc đó, mà ông dựa trên chính nền tảng học vấn phương Đông. Ông đã tìm trong Nho giáo lý luận thực tiễn để xây dựng thế giới nhân luân. Trong đó, giai đoạn đầu tiên của việc kiến lập thế giới nhân luân là đưa ra quan niệm mới về “Thiên” - một quan niệm mang đặc trưng của “Thượng đế thiên”. Trên nền tảng đó, Dasan đã xây dựng nên quan niệm về con người, chính trị và xã hội. □

(19) Jeong Yak Young. *Sđđ.*, t.2, q.3, phần 5b, “*Trung Dung tự chúm*” (與猶堂全書 2集 3卷 5b「中庸自箴」).